TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2023
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thư

2. Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (*không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).*

Ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Thu A**, sinh năm 1996 (có mặt); địa chỉ: Số H, đường M, phường A, quận N, Tp ..

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng N,** sinh năm 1996 (đề nghị vắng mặt; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2023, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu A trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng N qua tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa (quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.) theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/6/2011. Nữ trang có 40 chỉ vàng 24K, vợ chồng đã bán tiêu xài không còn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại phường A, quận N, Tp C Thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sinh được 02 chung tên là Nguyễn Huỳnh Hoàng T (sinh ngày 05/8/2021), Nguyễn Huỳnh Kim N1 (sinh ngày 10/9/2022).

Đến đầu năm 2023, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do mỗi người có một quan điểm sống, không ai nhường nhịn ai nên phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh N bỏ đi và ly thân cho đến nay. Do không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn. Chị Thu A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với anh N. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con chung là Nguyễn Huỳnh Hoàng T và Nguyễn Huỳnh Kim N1, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/con chung. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Tại bản khai và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 01/11/2023, bị đơn anh Nguyễn Hoàng N trình bày:

Vào năm 2020, anh và chị Thu A qua tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hòa (quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.). Nữ trang ngày cưới là 40 chỉ vàng 24K, hiện vợ chồng đã bán tiêu xài không còn. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Hoàng T (sinh ngày 05/8/2021), Nguyễn Huỳnh Kim N1 (sinh ngày 10/9/2022). Từ đầu năm 2023, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do mỗi người có một quan điểm sống, không ai nhường nhịn ai nên phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn.

Chị Huỳnh Thị Thu A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết vấn đề hôn nhân thì anh đồng ý ly hôn với chị Huỳnh A. Về con chung: Nguyễn Huỳnh Hoàng T và Nguyễn Huỳnh Kim N1 anh đồng ý để chị Thu A nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi con chung là 2.000.000đ. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Do bận đi làm ở xa nên anh yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Thu A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các ý kiến đã trình bày, đồng thời xác định: Từ lúc ly thân từ tháng 3/2023 đến này thì chị và anh N không còn liên lạc, anh N cũng không về thăm con, tứ khic ó con chung đã không quan tâm chăm sóc gia đình; tuy giữa chị và anh N thỏa thuận được các vấn đề về hôn nhân, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nhưng không biết lý do gì anh N không đến Tòa án để giải quyết các vấn đề tranh chấp.

Chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Huỳnh Thị Thu A yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N, anh N có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Anh N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh N là đúng quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét chị Thu A và anh N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Cả anh N và chị Thu A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Việc tiếp tục sống chung đã không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Thu A và anh N đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Thu A được ly hôn anh N là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Chị Thu A và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Hoàng T (sinh ngày 05/8/2021), Nguyễn Huỳnh Kim N1 (sinh ngày 10/9/2022). Xét cả 02 con chung chưa đủ 36 tháng tuổi. Từ lúc ly thân đến nay do chị Thu A là người trực tiếp chăm sóc, chị Thu A và anh N đã có ý kiến thỏa thuận để chị Thu A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi con chung 2.000.000đ theo yêu cầu của chị Thu A. Xét thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thu A uỳnh phải nộp 300.000đ (phần hôn nhân), anh Nguyễn Hoàng N phải nộp 300.000đ (phần cấp dưỡng nuôi con) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu A.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thu A được ly hôn anh Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung:

2.1. Công nhận cho chị Huỳnh Thị Thu A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên là Nguyễn Huỳnh Hoàng T (sinh ngày 05/8/2021), Nguyễn Huỳnh Kim N1 (sinh ngày 10/9/2022).

2.2. Buộc anh Nguyễn Hoàng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng mỗi con chung bằng 2.000.000đ *(hai triệu đồng)*. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Hỳnh Thị Thu A1 phải nộp án phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*; số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000301 ngày 10/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4.2. Buộc anh Nguyễn Hoàng N phải nộp án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND phường An Hòa
(Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ): 01;
- Lưu: 04.